TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2019/DS-PT
Ngày: 04/10/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Trúc Phương

Ông Huỳnh Thanh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đ: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 tháng 9 và 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp: *"Hợp đồng dân sự vay tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 292/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Trụ sở: Số A, đường B, phường L, Quận Đ, HN.

Địa chỉ liên lạc: phường 7, quận Phú Nhuận, TP.HCM.

Người đại diện hợp pháp: Anh Lê Văn H, chức vụ: Chuyên viên tố tụng; Anh Hà Thanh H, chức vụ: Chuyên viên tố tụng và anh Nguyễn Huy H, chức vụ: Chuyên viên tố tụng.

(Theo văn bản ủy quyền số 31944/2018/UQ-VPB ngày 21/11/2018)

Địa chỉ: Số A, đường C, Phường 4, Quận 3, TP.HCM.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh H T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số A, đường H, Khóm 4, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đ

3. Người kháng cáo: Ngân hàng V là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Lê Văn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/7/2014, Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) (do anh Nguyễn Thanh T là nhân viên kinh doanh của Ngân hàng, hiện nay đã nghỉ việc tại Ngân hàng) trực tiếp gặp anh Huỳnh H T ký giấy đăng ký thông tin khách hàng cá nhân, kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản/thẻ ghi nợ/dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 14/7/2014 đề xuất cho anh T vay số tiền 200.000.000đ. Ngày 19/7/2014, Ngân hàng giải ngân chuyển vào tài khoản số 66272494 mở tại V (do anh Huỳnh H T là chủ tài khoản) cho anh T vay số tiền 195.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 27%/năm, thời hạn vay trong vòng 48 tháng anh T phải trả cho Ngân hàng tiền vốn gốc và lãi là 6.733.000đ, hình thức trả góp hàng tháng. Sau đó, anh T trực tiếp đến Ngân hàng rút tiền mặt. Từ khi vay đến nay anh T trả cho Ngân hàng vốn gốc và lãi được 04 lần số tiền 26.940.000đ (trong đó vốn gốc 9.252.930đ và lãi 17.687.070đ). Nay Ngân hàng yêu cầu anh Huỳnh H T trả số tiền vốn gốc 185.747.070đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 10/8/2018 là 315.820.683đ, tổng cộng 501.567.753đ. Ngân hàng yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực. Ngân hàng không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ vay cùng anh T. Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn anh Huỳnh H T trình bày:

Từ trước đến nay, anh T không ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng V, cũng không mở tài khoản, thẻ ATM tại Ngân hàng TMCP V. Chữ ký trong giấy đăng ký thông tin khách hàng cá nhân, kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản/thẻ ghi nợ/dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 14/7/2014 mà Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T trả nợ vay không phải chữ ký, chữ viết của anh T nên anh T yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên trong giấy đăng ký thông tin khách hàng ngày 14/7/2014 để chứng minh cho ý kiến của anh T. Tuy nhiên, Ngân hàng không cung cấp được bản chính giấy đăng ký thông tin khách hàng và không tiến hành giám định được nên anh T cũng không có ý kiến.

Nay anh T không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP V trả số tiền 185.747.070đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 10/8/2018 là 315.820.683đ, tổng cộng 501.567.753đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu anh Huỳnh H T trả số tiền vốn và lãi là 501.567.753 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng TMCP V nộp 24.062.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp 11.917.000 đồng theo biên lai số 0004353 ngày 05/4/2018 và biên lai số 0004796 ngày 24/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được chuyển thành án phí, Ngân hàng TMCP V còn phải nộp 12.145.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/12/2018, Ngân hàng TCMP V có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 89/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố S và chuyển toàn bộ hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn Ngân hàng, đại diện theo ủy quyền là anh Lê Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện và đánh giá chưa khách quan về chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

+ Bị đơn anh Huỳnh H T không thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng, không có ký tên và ghi họ tên vào hồ sơ vay cũng như các giấy lĩnh tiền, giấy nộp tiền do ngân hàng xuất trình, do đó anh T không đồng ý trả tiền vốn, lãi cho ngân hàng.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm, ngân hàng có yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của anh T tại hồ sơ vay; Tại Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: chữ viết họ tên Huỳnh H T trong các tài liệu cần giám định với chữ viết trong các mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra, không tiến hành giám định chữ ký Huỳnh H T do chữ ký khác dạng. Như vậy, cho thấy không có căn cứ xác định anh T vay tiền của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu anh T phải trả tiền vốn và lãi: 501.567.753 đồng là không phù hợp. Ngoài ra, Ngân hàng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ nên đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Do anh T không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng và cho rằng anh T không ký và viết họ, tên vào hợp đồng vay tiền cũng như các giấy nộp tiền, giấy lĩnh tiền, bảng kê thu tiền mặt do Ngân hàng xuất trình, nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh T. Tại Kết luận giám định số: 574/KL-KTHS ngày 17/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ viết họ tên của Huỳnh H T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người viết ra, không tiến hành giám định, chữ ký mang tên "Huỳnh H T" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký của Huỳnh H T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do chữ ký khác dạng.

Như vậy, căn cứ vào kết quả giám định có đủ cơ sở khẳng định, anh T không vay tiền của Ngân hàng TMCP V như Hợp đồng mà Ngân hàng xuất trình.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng cũng không cung cấp chứng cứ gì mới chứng minh anh T có vay tiền của Ngân hàng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Ngân hàng là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S, do nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh T có vay tiền của ngân hàng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Xét bản án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của ngân hàng về việc yêu cầu anh T trả nợ vốn và lãi cho ngân hàng số tiền 501.567.753 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên Ngân hàng phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chi phí giám định là 3.735.000 đồng, do yêu cầu của Ngân hàng không được chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chịu chi phí giám định thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ chịu chi phí giám định. Do ngân hàng đã nộp đủ số tiền 3.735.000 đồng nên Ngân hàng không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 161, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP V.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu anh Huỳnh H T trả số tiền vốn và lãi là 501.567.753 đồng.

Về án phí:

- Ngân hàng TMCP V phải chịu 24.062.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp tổng cộng 11.917.000 đồng theo các biên lai số 0004353 ngày 05/4/2018 và biên lai số 0004796 ngày 24/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được chuyển thành án phí, Ngân hàng TMCP V còn phải nộp 12.145.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003504 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S (Ngân hàng không phải nộp thêm án phí phúc thẩm).

- Về chi phí giám định, Ngân hàng TMCP V phải chịu 3.735.000 đồng (Ngân hàng đã nộp đủ số tiền 3.735.000 đồng và chi xong).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân TP. S;
- Chi Cục THA DS TP. S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh